

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI
Học kỳ 1 - Năm học 2021-2022

Môn:QUẢN TRỊ HỌC.....
CBGD: NGUYỄN THỊ TÌNH

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	ĐQT	ĐT	ĐTK
1	2121120552	Đặng Thị Kim	Anh	CCQ2112P	8.3	7	7.5
2	2121120532	Huỳnh Thị Lan	Anh	CCQ2112P	8.0	6	6.8
3	2121120545	Vương Thị Ngọc	Ánh	CCQ2112P	8.0	6.2	6.9
4	2121120536	Lê Thanh	Bình	CCQ2112P	7.3	7	7.1
5	2121120509	Vũ Đình	Chươn g	CCQ2112O	8.3	6.8	7.4
6	2120270143	Hồ Phương Thúy	Diễm	CCQ2012Q	8.3	6.2	7.1
7	2121120494	Trần Thị	Diễm	CCQ2112O	7.7	6.8	7.1
8	2121120533	Trương Trọng Bảo	Hân	CCQ2112P	7.3	5.8	6.4
9	2121120502	Nguyễn Thị	Hậu	CCQ2112O	8.0	6.6	7.2
10	2121120516	Phùng Tấn	Hậu	CCQ2112O	8.2	6.4	7.1
11	2121120550	Điêu Thị	Hiền	CCQ2112P	7.5	6	6.6
12	2121120546	Đinh Minh	Hiền	CCQ2112P	7.2	7.2	7.2
13	2121120537	Ngô Dương Phi	Hoài	CCQ2112P	6.7	5.8	6.1
14	2121120492	Nguyễn Ngọc	Hoàng	CCQ2112O	7.3	7.2	7.3
15	2121120560	Nguyễn Thị	Hồng	CCQ2112P	7.3		2.9
16	2121120493	Nguyễn Thị Thu	Hồng	CCQ2112O	8.2	7.8	7.9
17	2121120596	Nguyễn Thị Kim	Huệ	CCQ2112P	7.5	6.2	6.7
18	2121120534	Lê Thị Ngọc	Hương	CCQ2112P	7.3	5.2	6.1
19	2121120554	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	CCQ2112P	7.3	7.2	7.3

20	2121120504	Huỳnh Thị Thảo	Huyền	CCQ2112O	7.3	7	7.1
21	2121120518	Vũ Mạnh	Khải	CCQ2112O	7.5	7	7.2
22	2121120535	Nguyễn Nhựt	Khang	CCQ2112P	7.5	6.6	7.0
23	2121120501	Trần Anh	Kiệt	CCQ2112O	8.0	7.2	7.5
24	2121120524	Nguyễn Thị Bạch	Kim	CCQ2112O	7.5	5.8	6.5
25	2121120539	Nguyễn Phương	Lâm	CCQ2112P	7.5	7.4	7.4
26	2121120559	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	CCQ2112P	7.3	6.8	7.0
27	2121120525	Nguyễn Thị Thu	Linh	CCQ2112O	8.2	6.2	7.0
28	2121120548	Nguyễn Trần Thảo	Linh	CCQ2112P	7.3	6.4	6.8
29	2121120540	Quách Ngọc Thuỳ	Linh	CCQ2112P	7.3	6.8	7.0
30	2121120510	Nguyễn Ngọc Thành	Luân	CCQ2112O	7.3	7.2	7.3
31	2121120515	Lương Ngọc	Minh	CCQ2112O	7.3	7	7.1
32	2121120555	Đặng Thị Thảo	My	CCQ2112P	7.3	7.6	7.5
33	2121120547	Phan Nữ Thanh	Ngân	CCQ2112P	8.0	7	7.4
34	2121120528	Nguyễn Thị Như	Ngọc	CCQ2112P	7.5	5.8	6.5
35	2121120511	Nguyễn Thị	Nguyệt	CCQ2112O	7.5	5.8	6.5
36	2121120521	Phan Thị Ánh	Nguyệt	CCQ2112O	7.3	6	6.5
37	2121120495	Trương Thị Hồng	Nhạn	CCQ2112O	7.3	6.2	6.7
38	2121120549	Đặng Thị Tuyết	Nhi	CCQ2112P	8.0	7.6	7.8
39	2121120491	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	CCQ2112O	8.3	6.8	7.4
40	2121120505	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CCQ2112O	7.3	7.2	7.3
41	2121120543	Nguyễn Ý	Nhi	CCQ2112P	7.3	7.6	7.5
42	2121120522	Phạm Thị Thuý	Nhi	CCQ2112O	8.2	6.6	7.2
43	2121120557	Trương Thị Ngọc	Như	CCQ2112P	8.3	8.2	8.3
44	2121120513	Văn Tấn	Phát	CCQ2112O	7.5	6.8	7.1

45	2121120507	Hà Văn	Phước	CCQ2112O	7.5	7.2	7.3
46	2121120503	Trương Thị Mỹ	Quyên	CCQ2112O	8.2	8	8.1
47	2121120553	Trần Tuấn	Sang	CCQ2112P	8.0	7.4	7.6
48	2121120530	Phan Thị Ngọc	Sương	CCQ2112P	8.0	6.2	6.9
49	2121120512	Lê Phước	Tài	CCQ2112O	8.2	7.2	7.6
50	2120170454	Nguyễn Ngọc	Thắng	CCQ2012Q	8.3	7.8	8.0
51	2121120542	Trần Thị Tiến	Thanh	CCQ2112P	7.3	7.2	7.3
52	2121120527	Trần Nhật	Thành	CCQ2112P	8.3	8.2	8.3
53	2121120519	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CCQ2112O	8.2	6.4	7.1
54	2121120538	Trần Tiến	Thịnh	CCQ2112P	7.3	7.4	7.4
55	2121120531	Hồ Minh	Thư	CCQ2112P	8.5	6.6	7.4
56	2121120526	Trần Thị	Thủy	CCQ2112P	8.0	6.8	7.3
57	2121120508	Phan Thị Cẩm	Tiên	CCQ2112O	8.2	7	7.5
58	2121120544	Lâm Đức	Tiến	CCQ2112P	8.0	7.4	7.6
59	2121120497	Lê Thị Kim	Tiền	CCQ2112O	9.0	9.2	9.1
60	2121120514	Hồ Thị Xuân	Trà	CCQ2112O	7.5	7.6	7.6
61	2121120523	Trần Thị Phương	Trâm	CCQ2112O	8.0	6.4	7.0
62	2121120500	Nguyễn Thị Huệ	Trân	CCQ2112O	8.2	8	8.1
63	2121120498	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	CCQ2112O	7.5	4.2	5.5
64	2121120551	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	CCQ2112P	7.3	6.8	7.0
65	2121120558	Vũ Thị	Trúc	CCQ2112P	8.8	8.2	8.5
66	2121120496	Tạ Thị Thanh	Tuyền	CCQ2112O	7.3	7	7.1
67	2121120499	Lê Băng Ty	Ty	CCQ2112O	7.3	6.8	7.0
68	2121120506	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	CCQ2112O	7.3	7	7.1
69		Đậu Thị Thanh	Vân	CCQ2112F	7.3	7.2	7.3

70	2120170141	Nguyễn Anh	Vỹ	CCQ2020J	7.5	6.8	7.1
71	2121120556	Đặng Thị Như	Ý	CCQ2112P	7.3	7.6	7.5
72	2121120541	Lê Thị Hải	Yến	CCQ2112P	8.2	7	7.5